

Bản án số: 04/2022/TCDS-ST
Ngày: 21-01-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-TCDS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-TCDS ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-TCDS ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn YD, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Vợ chồng anh Hoàng Văn T, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Xóm 8, xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-8-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Q đã nhiều lần cho vợ chồng bị đơn là anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị C vay tiền và vàng về kinh doanh, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 26-02-2016 (ngày 19-01-2016 âm lịch) cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 02-3-2016 (ngày 24-01-2016 âm lịch) cho vay 1.540.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 30-3-2016 (ngày 22-02-2016 âm lịch) cho vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Lần 4: Ngày 31-3-2016 (ngày 23-02-2016 âm lịch) cho vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

- Lần 5: Ngày 04-4-2016 (ngày 27-02-2016 âm lịch) cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Lần 6: Ngày 11-4-2016 (ngày 05-3-2016 âm lịch) cho vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Lần 7: Ngày 16-5-2016 (ngày 10-4-2016 âm lịch) cho vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Tổng cộng là 5.640.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Trong quá trình vay mượn, bị đơn đã trả cho ông Q được 2.614.000.000 đồng.

Khi vay, anh T và chị C đều viết giấy biên nhận và thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm nhưng chỉ trả lãi cho ông Q được mấy tháng thì không trả nữa.

Ngoài ra, vợ chồng anh T và chị C cũng vay vàng của ông Q nhiều lần. Đến ngày 31/7/2017, hai bên hai bên tự **chốt** lại với nhau, theo đó, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn.

Sau khi chốt nợ, vợ chồng anh T và chị C đã C kết mỗi năm sẽ trả cho ông Q 20% số nợ gốc vào tháng 8 hàng năm cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên sau đó, ông Q đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bị đơn không trả, bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt liên lạc với ông Q.

Nay ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả cho ông số nợ gốc là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q; buộc vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C trả cho ông Nguyễn Văn Q số nợ gốc là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn. Anh T, chị C phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C trả nợ tiền và vàng vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xóm 8, xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh T, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh T, chị C có vay tiền, vàng nhiều lần, thời điểm hai bên tự tính toán, chốt lại với nhau là ngày 31/7/2017, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[4] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[4.1] Về số nợ gốc: Nguyên đơn khai nhận do quan hệ quen biết nên đã cho anh T, chị C vay tiền, vàng nhiều lần; đến nay số nợ gốc còn lại là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc các giấy biên nhận ghi: Ngày 26-02-2016 (ngày 19-01-2016 âm lịch) cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngày 02-3-2016 (ngày 24-01-2016 âm lịch) cho vay 1.540.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng), ngày 30-3-2016 (ngày 22-02-2016 âm lịch) cho vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), ngày 31-3-2016 (ngày 23-02-2016 âm lịch) cho vay 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), ngày 04-4-2016 (ngày 27-02-2016 âm lịch) cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngày 11-4-2016 (ngày 05-3-2016 âm lịch) cho vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngày 16-5-2016 (ngày 10-4-2016 âm lịch) cho vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tính đến ngày 31-7-2017 chốt lại cho vay 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn. Giấy biên nhận vay tiền và Giấy biên nhận vay vàng đều có chữ ký ghi tên người vay

là anh T, chị C, có địa chỉ thường trú: Xóm 8, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4.2] Theo các giấy biên nhận vay tiền và vàng do ông Nguyễn Văn Q cung cấp là các bản gốc viết tay thể hiện người vay tiền và vàng là anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C có địa chỉ thường trú tại xóm 8, xã Hải Phương đã vay tiền và vàng của ông Nguyễn Văn Q nhiều lần với tổng số nợ gốc còn lại là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn ông Quang ký nhận hộ tên bên cho vay, anh T, chị C ký nhận hộ tên bên vay. Như vậy có cơ sở xác định giữa ông Q và vợ chồng anh T, chị C đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh T, chị C không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; cắt đứt liên lạc với ông Q để giải quyết nợ. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C trả nợ cho ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc còn lại là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn là phù hợp pháp luật.

[4.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C.

Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q số nợ gốc là 3.026.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) và 28,5 cây vàng SJC Sài Gòn. (Giá vàng SJC Sài Gòn ngày 21/0/2022 là 61.750.000đ/10 chỉ)

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 119.858.750đ (Một trăm mười chín triệu tám trăm năm tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Phương;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng